

Vài nét về chế độ tập ấm đối với công thần của triều Nguyễn giai đoạn 1802-1884

Nguyễn Thị Thu Hương*

Nhận ngày 4 tháng 7 năm 2025. Chấp nhận đăng ngày 17 tháng 11 năm 2025.

Tóm tắt: Công thần là những bề tôi, quan lại, tướng lĩnh có công lao to lớn đối với triều đình. Nghiên cứu về công thần triều Nguyễn gồm nhiều đối tượng và nhiều nội dung, trong đó việc thực hiện chế độ tập ấm dành cho các công thần khai quốc nhà Lê, phục hưng hậu Lê; khai quốc công thần quốc sơ, công thần trung hưng vương triều Nguyễn là vấn đề trọng yếu. Trải qua các triều vua Gia Long, Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức, những quy định về thực hiện tập ấm lần lượt được ban hành, có sự điều chỉnh, bổ sung qua từng giai đoạn cụ thể, phù hợp với thực tiễn của vương triều. Đó là cơ sở để triều Nguyễn thực hiện sự tri ân, biết ơn đối với những công thần có công lao; bổ sung thêm nguồn nhân lực vào bộ máy nhà nước, nhất là đội ngũ võ quan.

Từ khóa: Tập ấm, Công thần, Triều Nguyễn.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: Meritorious officials were subjects, mandarins, and generals who had made great contributions to the imperial court. Research on the Nguyễn Dynasty's meritorious officials encompasses various subjects and contents, among which the implementation of the hereditary privilege (Tập ấm) system for the meritorious subjects of the founding Lê Dynasty, the restoration of the later Lê Dynasty; the founding officials and restoration officials of the early Nguyễn Dynasty, and the meritorious subjects of the restoration of the Nguyễn Dynasty is an important issue. Throughout the reigns of King Gia Long, Minh Mệnh, Thiệu Trị, and Tự Đức, the regulations governing the implementation of the hereditary privilege system were successively promulgated, adjusted, and supplemented through specific periods to suit the practical needs of the royal court. This system was the basis for the Nguyễn Dynasty to express gratitude and deep appreciation toward those meritorious officials who contributed significantly, while simultaneously supplementing the state apparatus with human resources, especially within the military officer corps.

Keywords: Hereditary privilege system, meritorious officials, Nguyễn Dynasty.

Subject classification: History

1. Mở đầu

Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi, lấy niên hiệu Gia Long, triều Nguyễn chính thức được thành lập. Ngay sau khi thiết lập được chính quyền, vua Gia Long cùng các triều vua Nguyễn sau này đã cố gắng xây dựng một Nhà nước phong kiến tập quyền chuyên chế. Với quan niệm “quan lại là rường cột” trong việc cùng với triều đình quản lý chính sự và “chăn nuôi dân chúng”, các vua Nguyễn rất quan tâm đến việc thực thi các chính sách xã hội cho các giai tầng, trong đó có chính sách đối với người có công và những người thân của họ thông qua việc thực hiện chế độ tập ấm, đó là sự đền đáp công lao của họ đối với đất nước.

Viết về quan lại triều Nguyễn nói chung, chế độ tập ấm đối với công thần nói riêng đã nhận được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Một số nội dung cụ thể về việc thực thi các chế độ đãi ngộ cho các công thần trong đó có chế độ tập ấm của triều đình đương thời đã được phản ánh qua một số công trình nghiên cứu khi tìm hiểu quan chế, chế độ đào tạo, chính sách

* Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: khanhlinh.8122008@gmail.com

sử dụng nhân tài, chế độ đãi ngộ triều Nguyễn dưới nhiều dạng thức khác nhau (bài viết, công trình chuyên khảo, luận văn, luận án). Tác giả Trần Thanh Tâm trong công trình (2000) đã làm rõ chế độ quan chức gồm việc tuyển bổ, các phương thức tuyển chọn quan lại, nhiệm vụ, các chính sách đãi ngộ của triều Nguyễn. Trong đó việc thực hiện hình thức tập ẩm, anh danh vừa là chế độ đãi ngộ vừa là một phương thức để bổ sung đội ngũ quan lại cho triều đình. Cũng theo tác giả đối tượng và tiêu chí áp dụng chủ yếu “dành cho giới quý tộc, tôn thất, những người có công”; lấy tiêu chuẩn “trung thành tuyệt đối” làm mục tiêu quyết định, chủ yếu đối với các cựu thần có công với nhà Nguyễn, con cháu họ đều được tập ẩm, được nối nghiệp cha “thờ vua”, tạo thành đội ngũ quan chức riêng của triều đình. Công trình tuy không đi sâu nghiên cứu về chế độ tập ẩm thời Nguyễn nhưng đã cho chúng ta biết được việc thực hiện chế độ tập ẩm có từ thời các chúa Nguyễn, các vua Nguyễn sau này vẫn kế thừa và tiếp tục thực hiện. Nhóm tác giả Phan Đại Doãn và cộng sự (1998) đã đề cập đến “chế độ thể tập và tập ẩm” gọi chung là thể tập, làm rõ nội hàm khái niệm cũng như đối tượng được hưởng. Theo nhóm tác giả, thể tập là chế độ bổ nhiệm quan lại thông qua địa vị cha ông mà con cháu được hưởng ân trạch. Chế độ thể tập được các vua triều Nguyễn thực hiện phong ẩm cho con cháu các quan lại ở mức độ khác nhau, nhằm ràng buộc và xây dựng cơ sở xã hội cho chính quyền thống trị. Tác giả Emmanuel Poisson trong nghiên cứu (2018), khi đề cập đến “Cấu trúc hệ thống quan lại dưới triều Nguyễn” đã làm rõ các danh hiệu “đường hàm và thuộc hàm”, trong đó quan “đường hàm” sau khi cha mẹ mất được phong tước hiệu, con cái được hưởng tước ẩm sinh. Tác giả Nguyễn Minh Tường (2015) đã làm rõ hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước hai cấp trung ương và địa phương trong suốt chiều dài lịch sử hơn 9 thế kỷ. Tác giả cũng đã làm rõ để có đội ngũ quan lại tham gia xây dựng chính quyền, Nhà nước kiến Việt Nam, gồm có triều Nguyễn rất coi trọng đến hai phương thức: lệ phong tước khi sử dụng các võ tướng, công thần có công lao giành lại ngôi vua vào vị trí trong triều đình và nhậm tử (ban ân thưởng cho con cháu tôn thất, con cháu công thần).

Trong một số nghiên cứu trực tiếp về chính sách của triều Nguyễn đối với quan lại như: Nguyễn Minh Tường (1999); Lê Quang Chấn (2013); Phạm Thị Thu Hiền (2022); Hồ Ngọc Đăng (2017)...., đã góp phần làm rõ chính sách đãi ngộ, tuyển dụng quan lại của các vua triều Nguyễn. Đáng lưu ý, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước - Trung tâm lưu trữ Quốc gia IV đã công bố 3 tập công trình, trong đó có tập 3 (2020). Công trình đã giới thiệu khá cụ thể về thân thế, hành trạng và con đường quan lộ của các công thần triều Nguyễn ở nhiều địa phương trong cả nước; qua đó góp phần làm rõ các vị công thần có công, không chỉ bản thân họ được ban thưởng mà con cháu và người thân của họ cũng được hưởng một số ân điển thông qua chế độ tập ẩm. Rõ ràng, từ công trình này có thể thấy, từ chính sách đến việc thực thi chế độ đối với các công thần của triều Nguyễn trong thực tế đã đem lại hiệu quả nhất định. Như vậy, một số khía cạnh của chế độ tập ẩm của triều Nguyễn đã được phản ánh trong các nghiên cứu này. Mặc dù các nghiên cứu đó chưa phản ánh toàn diện về chế độ tập ẩm của tất cả các triều vua Nguyễn, nhưng đã giúp tác giả bài viết rất nhiều khi triển khai vấn đề nghiên cứu, chủ yếu là làm rõ nội hàm khái niệm tập ẩm, công thần; các nội dung của chế độ tập ẩm dành cho từng đối tượng công thần cụ thể, qua đó thấy được vai trò của chế độ tập ẩm - vừa là hình thức đãi ngộ của triều Nguyễn dành cho quan lại, vừa là một trong những phương thức tuyển chọn quan lại rất phổ biến, nhất là trong buổi đầu trung hưng của vương triều.

2. Đội ngũ công thần triều Nguyễn

Khác với các vương triều Lê, Tây Sơn vốn được thành lập trên kết quả của chiến thắng ngoại xâm, vương triều Nguyễn được xác lập năm 1802 là sự thắng thế của cả một quá trình đấu tranh giành quyền lực giữa các thế lực phong kiến trong nước. Đó là thành quả của rất nhiều năm chinh chiến, không ít lần ném mật nếm gai của Nguyễn Ánh cùng những

lương thân, võ tướng tham gia chống lại nhà Tây Sơn, tham gia các trận chiến ở trong nước, phò tá Nguyễn Ánh sang Vọng Các để nhờ sự giúp sức của quân Xiêm. Vì vậy, khi nhà Nguyễn mới được thiết lập và trong quá trình phát triển, cùng với việc thực thi các chính sách củng cố và phát triển vương triều, việc quan tâm đến các công thần, quan lại là một chính sách quan trọng được Gia Long, cùng các vua triều Nguyễn sau này đề cao.

Theo lệ phong tước của triều Nguyễn, các quan lại có công được ban tước gồm 5 bậc: *Công, Hầu, Bá, Tử, Nam*. Riêng tước Công lại gồm 2 hạng: *Quốc công* và *Quận công*. Trong đó tước Công cùng tước Hầu chủ yếu chỉ đề phong cho những “võ thân có huân tích lớn” như: *Khai quốc công thần, trung hưng công thần*. Năm Gia Long thứ 9 (1810) vua Gia Long đã xếp 4 vị gồm: *Lộc Khê hầu* Đào Duy Từ, *Thuận Nghĩa hầu* Nguyễn Hữu Tiến, *Chiêu Vũ hầu* Nguyễn Hữu Dật, Nguyễn Hữu Cảnh vào hàng *Khai quốc công thần*, tức là loại công thần bậc nhất của vương triều. Đồng thời lựa chọn 258 người làm *Trung hưng công thần*, đứng đầu trong số đó là 6 người: *Thiếu phó quận công* Tôn Thất Mân; *Thái úy quốc công* Võ Tánh; *Thái tử Thái sư quận công* Ngô Tông Châu; *Bình Tây Đại tướng quân quận công* Tôn Thất Hội; *Tả quân Đô đốc phủ Chương phủ sự quận công* Chu Văn Tiếp (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002, t.1: 775). Ngoài nhận tước, công thần còn được trao tặng phẩm trật có khác nhau. Chẳng hạn nếu các quan chức văn võ tiêu trừ giặc Thanh, Mán, thổ phi, hải tặc mà chết trận được tặng Chánh nhất phẩm, Tòng nhất phẩm, Chánh nhị phẩm, Chánh Tòng tứ phẩm; hoặc được tòng tự (phụ thờ) ở các miếu thờ các vua. Từ lệ phong tước chung đó, triều Nguyễn cũng có định lệ phong tước cho các đối tượng khác, chủ yếu là những người bậc dưới như con, cháu của các công thần; những bầy tôi có công; con, cháu thân thích của nhà vua. Họ được gia phong quan tước, gọi chung là *lệ tập tước*. Những người (con, hoặc cháu) được hưởng theo lệ này phải đảm bảo nguyên tắc ông cha của họ phải là những người có công lao lớn đối với triều đình; người con được tập tước của cha, tước được ban phong đó phải thấp hơn một bậc so với tước của người cha.

Theo *Hán Việt từ điển giản yếu*: Tập ấm có nghĩa là con cháu được nối theo chức của cha mà được hàm ấm sinh (Đào Duy Anh, 2013: 268). Tương tự *Từ điển tiếng Việt* cũng giải thích: “Tập ấm chủ yếu là dành cho con cháu quan lại cao cấp được cấp danh vị ấm sinh để thừa hưởng danh vọng của cha, ông” (Hoàng Phê, 2000: 901). Như vậy, *tập ấm* có nghĩa là con cháu được nối theo quan chức của cha ông mà được ban tước vị, hoặc trao cho một chức quan nhất định, và được thừa hưởng danh vọng của cha, ông. Với ý nghĩa như vậy, đội ngũ công thần của triều Nguyễn rất rộng gồm nhiều đối tượng khác nhau. Tuy nhiên trong nghiên cứu này chúng tôi giới hạn tìm hiểu chế độ tập ấm mà triều Nguyễn thực thi cho con, cháu của các công thần có công gắn với buổi đầu sự nghiệp trung hưng của triều Nguyễn trở về giai đoạn trước; riêng với con cháu công thần tôn thất, con cháu của quan viên được tuyển chọn qua khoa cử, tiến cử sau khi triều Nguyễn được thành lập hiện tác giả chưa đề cập đến. Cụ thể là:

Khai quốc công thần nhà Lê: đây là những quan lại có công trong sự nghiệp đánh đuổi giặc Minh (1418-1427) sáng lập ra vương triều Lê, như: Lê Lai, Nguyễn Xí, Nguyễn Trãi, Đinh Liệt, Lưu Nhân Chú, v.v...; các *Trung hưng công thần* là các quan lại có công diệt nhà Mạc, khôi phục nhà Lê như Lê Bá Ly, Phạm Đốc, Hoàng Đình Ái, Nguyễn Hữu Liêu, Đặng Huân...

Khai quốc công thần thời chúa Nguyễn (còn gọi là công thần thời quốc sơ): Họ là những võ quan, tướng lĩnh từng theo chúa Nguyễn Hoàng đi vào trấn nhậm vùng đất Thuận Hóa và thiết lập nên chính quyền chúa Nguyễn từ nửa sau thế kỷ XVI; cùng những vị quan có công xây dựng, phát triển chính quyền chúa Nguyễn mà thân thế, hành trạng và công tích của họ còn được ghi lại trong sử sách. Khi Gia Long lên ngôi, tưởng nhớ các thế hệ công thần đã có công xây dựng vương quyền của dòng họ, ông đã phong cho họ mỹ hiệu, xếp thứ bậc và cho phụ thờ Thái Miếu, Trung Miếu... Tiêu biểu như vị khai quốc công thần Lộc Khê hầu Đào Duy Từ, Thuận Nghĩa hầu Nguyễn Hữu Tiến; Chiêu Vũ hầu Nguyễn Hữu Dật, Bùi Tá Hán; Lương Văn Chính; Nguyễn Hữu Cảnh (đều được xếp bậc Thượng đẳng thần).

Công thần Trung hưng vương triều Nguyễn: đây là đội ngũ công thần tướng lĩnh có công giúp chúa Nguyễn Ánh khôi phục vương triều Nguyễn, gồm bộ phận công thần từng theo Nguyễn Ánh sang trú ngụ tại thành Vọng Các nước Xiêm La, từ năm 1778 đến năm 1800 (Kinh đô Băng Cốc của Thái Lan ngày nay), gọi là công thần Vọng Các; một bộ phận công thần ở lại trong nước tiếp tục xây dựng lực lượng chống quân Tây Sơn, được sử nhà Nguyễn gọi là công thần trung hưng và công thần tiết nghĩa. Đó là những vị Trung hưng công thần: Tôn Thất Mân, Tôn Thất Hội, Châu Văn Tiếp, Võ Tánh, Ngô Tông Chu v.v... Và các công thần gởi tiếp trực tiếp làm quan, có nhiều cống hiến trong buổi đầu vương triều Nguyễn được thành lập và củng cố. Đó là các công thần Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Văn Nhân, Phạm Văn Nhân, Nguyễn Huỳnh Đức, Lê Văn Duyệt, Lê Chất, Lê Văn Phong. Thực hiện chế độ tập ấm cho các công thần của triều Nguyễn cũng chính là các vua Nguyễn ban thưởng ân điển cho con cháu của họ nhằm “thường công, tri ân” vì đã có đóng góp to lớn cho triều đình.

3. Việc thi hành chế độ tập ấm cho các công thần

Thực hiện nhiều ấm, ấm thụ chức quan: Cũng như các vương triều khác, theo lệ triều Nguyễn tất cả các quan lại có phẩm tước đều được hưởng quyền ấm phong cho con cháu. Tháng 9 năm 1802, triều đình định phép Nhiều ấm cho các công thần cùng bách quan văn võ. Đây là chế độ miễn sưu dịch cho con cháu nhờ hưởng ơn trạch hay quyền thế của cha ông. Đồng thời, triều đình cho sao lục được 33 *Công thần khai quốc* và 15 người *Công thần Trung hưng* đời Lê trước, xét công và xếp các bậc công thần này thành bậc nhất, bậc nhì, bậc ba và định ân điển mỗi người công thần cho một người con cháu được miễn phu dịch, đời đời giữ việc thờ tự; riêng công thần bậc nhất thì thêm cho 2 người trong họ làm sái phu, miễn cho dao dịch (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2004, t.2: 176).

Để thực hiện lệ ấm thụ chức quan cho con cháu công thần, triều Nguyễn dựa trên việc phân hạng thứ bậc cao thấp của các công thần. Đối với Khai quốc công thần quốc sơ thời chúa Nguyễn được chia làm các bậc: Thượng đẳng thần, công thần bậc nhất, bậc nhì, bậc ba. Các công thần này được triều đình ban cấp *mộ phu* (người lo việc phụng thờ) và *tự điền* (ruộng đất để thờ tự); đồng thời tập ấm cho mỗi công thần một người con, hoặc một người cháu chức *Đội trưởng* hay *thứ Đội trưởng* - đây là các chức thuộc ngạch võ với mức nhiều ít, cao thấp khác nhau. Cụ thể là: *Công thần bậc trên*, ấm thụ chức *Đội trưởng* 1 người, mộ phu 6 người, tự điền 15 mẫu; *công thần bậc nhất* được ấm thụ *Đội trưởng* 1 người, mộ phu 4 người, tự điền 9 mẫu; *công thần bậc hai* được ấm thụ *thứ Đội trưởng* 1 người, mộ phu 3 người, tự điền 6 mẫu; *công thần bậc ba* được ấm thụ *Thứ đội trưởng* 1 người, mộ phu 2 người, tự điền 3 mẫu. Chẳng hạn, công thần Nguyễn Hữu Cảnh (con thứ Nguyễn Hữu Dật) vì có công di đánh dẹp, lập nhiều chiến công được thăng lên chức Chương cơ. Ông mất khi 51 tuổi. Triều vua Gia Long năm thứ 4 (1805), ông được xếp bậc “Thượng đẳng”, thờ phụ vào Thái Miếu, ấm thụ cho một người cháu làm *Đội trưởng*, được thế tập để coi việc thờ cúng, cấp thêm 15 mẫu tự điền và 6 phu coi mộ.

Đối với công thần trung hưng, công thần tiết nghĩa, công thần Vọng Các có công với vương triều Nguyễn cũng được các vua Nguyễn rất quan tâm đến *tập ấm* cho con cháu và người thân của họ, chủ yếu là ban ơn tập ấm để lo việc thờ tự tổ tiên, hoặc ban chức tước. Tính riêng triều vua Gia Long đã 6 lần thực hiện việc tập ấm con các công thần bề tôi tiết nghĩa vào các năm 1802 (2 lần), 1804, 1808, 1810, 1817. Riêng với công thần Vọng Các, vào năm 1804, vua Gia Long đã thực hiện việc ấm thụ cho con của họ. Theo đó, con các vị công thần Vọng Các nếu đã lớn thì được ấm thụ những chức nhàn tản, không phải làm việc như các chức Cai đội, *Đội trưởng*, *Thủ hợp*.

Năm Gia Long 16 (1817), triều Nguyễn cho đặt lệ *tập ấm phẩm cấp* dành cho con, cháu đích trưởng của các công thần trung hưng, công thần tiết nghĩa, công thần Vọng Các có hàm

từ tòng Cửu phẩm trở lên, ngoại trừ người phạm tội. Trên cơ sở phân thứ bậc của các hạng công thần này thành 7 bậc, triều Nguyễn cho định lệ con cháu của các công thần từ bậc 5 trở lên sẽ được *tập ấm phẩm cấp*, trong đó: con trai được thưởng hàm Ân kỵ úy; từ cháu trở xuống đời đời vẫn cứ thưởng hàm Ân kỵ úy. Công thần bậc 6, bậc 7 trở xuống thì chỉ người con được thưởng hàm Ân kỵ úy một đời (Nội các triều Nguyễn, 2005, t.5: 55). Có thể thấy rõ sự mức thưởng hàm cho các đời con, cháu, chất... theo thứ bậc công thần như sau:

Bảng: Lệ tập ấm cho bề tôi có công của vương triều Nguyễn

TT	Bậc công thần	Tập ấm					
		Con	Cháu	Cháu tăng tôn	Cháu huyền tôn	Cháu lai tôn	Cháu đời đời
1	Công thần bậc nhất	Khinh xa đô úy	Kiều kỵ đô úy	Kỵ đô úy	Phi kỵ úy	Ân kỵ úy	Ân kỵ úy
		Trật 2b	Trật 3b	Trật 4b	Trật 5b	Trật 6b	Trật 6b
		Tước Hầu	Hầu tước	Hầu tước	Hầu tước	Bá tước	Bá tước
2	Công thần bậc nhì	Kiều kỵ đô úy	Kỵ đô úy	Phi kỵ úy	Ân kỵ úy	Ân kỵ úy	Ân kỵ úy
		Trật 3b	Trật 4b	Trật 5b	Trật 6b	Trật 6b	Trật 6b
		Hầu tước	Hầu tước	Hầu tước	Bá tước	Bá tước	Bá tước
3	Công thần bậc ba	Kỵ đô úy	Phi kỵ úy	Ân kỵ úy	Ân kỵ úy	Ân kỵ úy	Ân kỵ úy
		Trật 4b	Trật 5b	Trật 6b	Trật 6b	Trật 6b	Trật 6b
		Hầu tước	Hầu tước	Bá tước	Bá tước	Bá tước	Bá tước
4	Công thần bậc bốn	Phi kỵ úy	Ân kỵ úy	Ân kỵ úy	Ân kỵ úy	Ân kỵ úy	Ân kỵ úy
		Trật 5b	Trật 6b	Trật 6b	Trật 6b	Trật 6b	Trật 6b
		Hầu tước	Bá tước	Bá tước	Bá tước	Bá tước	Bá tước
5	Công thần bậc năm	Ân kỵ úy	Ân kỵ úy	Ân kỵ úy	Ân kỵ úy	Ân kỵ úy	Ân kỵ úy
		Trật 6b	Trật 6b	Trật 6b	Trật 6b	Trật 6b	Trật 6b
		Bá tước	Bá tước	Bá tước	Bá tước	Bá tước	Bá tước
6	Công thần bậc sáu	Phụng ân úy (trật 7b)					
		Bá tước					
7	Công thần bậc bảy	Thừa ân úy					
		Trật 8b					
		Bá tước					

Nguồn: Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.6: 179-180; Nguyễn Minh Tường, 2015: 809-810

Qua bảng thống kê có thể thấy, so với công thần bậc nhất, thì phẩm hàm của con, cháu công thần bậc nhì, bậc ba, bậc bốn, bậc năm luôn thấp hơn 1 trật và thấp dần về sau. Chẳng hạn xét đời con: con của công thần bậc nhất được thụ hưởng chức Khinh xa đô úy có phẩm trật Tòng nhị phẩm (2b) thì đời con của công thần bậc ba được thụ hưởng Kiêu kỵ đô úy, có phẩm trật Tòng tam phẩm (trật 3b), đời con của công thần bậc ba hưởng Kỵ đô úy (trật Tòng tứ phẩm -4b). Trong khi các công thần bậc 1 đến bậc 5 các công thần đều được tập ấm cho 5 đời: con, cháu, cháu tăng tôn, cháu huyền tôn, cháu lai tôn, cháu đời đời, thì công thần bậc 6, 7 chỉ áp dụng chỉ một đời con.

Dưới triều Gia Long và buổi đầu triều Minh Mệnh, lệ tập ấm phẩm cấp cho con hoặc cháu của công thần chưa trao cho họ chức quan thực thụ, nên họ không được dự vào hàng ban châu và không có mũ áo vinh thân: “Con cháu các công thần, những người đã được tập phong, từ trước đến nay, chỉ lấy hàm tập ấm mà ở nhà, không nhận chức sự gì. Nay nghĩ ông, cha các người ấy, đều có công với nước, cho được đời đời Tập ấm chức tước để cùng nước hưởng phúc; nghĩ rằng những người con cháu ấy hiện được thừa hưởng Tập ấm, ắt cũng có tài dùng được, sau này nối nghiệp thư hương, không nỡ để cho nhàn rỗi” (Nội các

triều Nguyễn, 2005, t.5: 57). Trước thực trạng đó, vào năm 1837 vua Minh Mệnh đã ban dụ yêu cầu các quan Kinh doanh, Đốc phủ, Bố chính, Án sát các tỉnh, hạt ra sức để tập hợp danh sách con cháu các công thần đã được ẩm thụ chức hàm, xem xét tài năng nếu có nguyện vọng kịp kỳ bổ dụng thì chuẩn cho cấp giấy tư về Kinh do Bộ sát hạch tâu lên, lượng cho lục dụng. Nếu vượt qua được kỳ sát hạch thì các con hoặc cháu này sẽ được ban cho phẩm hàm và ban cấp áo mũ. Đây là một chính sách rất mở thể hiện sự ưu ái của triều đình đối với những người có công, nhưng cũng đặt ra thách thức phải lựa chọn đúng người có khả năng làm việc. Bởi vậy, triều đình cũng quy định việc bổ chức quan cho con cháu công thần phải được thực hiện cẩn thận, không được: “Bừa bãi, tùy tiện vì nếu bổ dụng người kiến thức thấp kém mà cứ giao việc cho làm, đến khi cầm quân, tài không làm nổi, mắc vào tội lỗi lại thành bất lợi cho người được bổ dụng” (Nội các triều Nguyễn, 2005, t.5: 58).

Mở rộng đối tượng nhận tập ấm: Theo quy định đối tượng được hưởng Tập ấm đầu tiên là dành cho “con trưởng dòng đích”, nếu con trưởng của dòng đích có sự cố thì lấy “cháu trưởng dòng đích”, tức “đích tôn” để thụ hưởng tập ấm. Độ tuổi thụ hưởng của con trưởng, cháu trưởng “dòng đích” đủ 15 tuổi trở lên, nếu từ 14 tuổi trở xuống thì sẽ tập hợp danh sách tâu xin, chuẩn cho người nào được nhận chức gì, ghi rõ ở sổ, bộ Lại lưu chiếu đợi đến 15 tuổi bổ dụng. Nếu không có con trưởng, cháu trưởng dòng đích thì sẽ lấy dòng thứ cho thừa tập, được cấp lương tháng và mũ áo. Nếu con/cháu đang có quan chức phẩm cao thì theo phẩm, vẫn đeo hàm ấm để rõ ân điển.

Trong trường hợp nếu con trưởng dòng đích và cháu trưởng dòng đích đều có sự cố (bị chết, bệnh tật tàn phế và phạm một trong những tội như gian dâm, trộm cắp đã từng bị quyết án) thì đình chỉ không cho được tập ấm, khi đó “con, cháu hàng thứ của dòng đích” được tập ấm. Trường hợp nếu không có con, không có cháu hàng thứ của dòng đích, thì mới cho “con cháu trưởng của “dòng thứ” được tập ấm. Nếu không có con, không có cháu của dòng thứ, thì cho em, cháu là những người đáng được thừa kế được tập ấm, như trường hợp của Trần Tần sau đây: vào tháng 5, năm Giáp thân, đời vua Minh Mệnh thứ 5 (1824), ẩm thụ cho Trần Viết Tứ làm Đội trưởng để coi giữ việc thờ cúng Khâm lý Công Quận công Trần Đức Hoà. (Trần Đức Hoà là công thân buổi quốc sơ, thời vua Gia Long đã ban ẩm thụ cho con Trần Đức Hoà là Trần Tần làm chủ tự (con trưởng). Nhưng Trần Tần không có con, đến triều vua Minh Mệnh, người em Trần Tần là Trần Viết Tứ đã xin tập ấm và được vua Minh Mệnh đồng ý ban cho được tập ấm.

Trên thực tế, lúc đầu triều Nguyễn chỉ thực hiện lệ tập phong cho các công thần được xếp thứ hạng và có người nối dõi, nhưng từ triều vua Tự Đức đã cho mở rộng ngay cả khi họ *không có con nối dõi, không được xếp thứ bậc hay không được tông tự*. Theo lệ tập ấm năm Tự Đức thứ 19 (1866), nếu các công thần không có con trai thì quyền được hưởng tập ấm sẽ được áp dụng cho các *bàng chi* (tức chi nhánh kế cận, chỉ con cháu của anh em ruột). Theo lệ này:

Đối với khai quốc công thần *thượng cấp và nhất cấp*, người nào không có con trai, mà chưa có người được thừa tập, thì cho phép chọn một người ở “bàng chi” (chi nhánh kế cận, chỉ con cháu của anh em ruột công thần) tập ấm làm *thứ Đội trưởng* (chánh Bát phẩm); nếu không có “bàng chi” thì cho phép lấy một người trong họ (dựa theo thế thứ, chọn người bà con gần nhất) cho ẩm tập *tòng Bát phẩm Bá hộ*. Hoặc đã được thừa tập một hai đời trở lên, mà dòng chính không có con, thì cho lấy một người ở “bàng chi” ẩm tập *tòng Bát phẩm Bá hộ*. Nếu không có “bàng chi”, thì cho phép lấy một người trong họ để ẩm tập *chánh Cửu phẩm Bá hộ*. Từ đời sau ẩm tập *chánh Cửu phẩm Bá hộ* (Trần Thanh Tâm, 2000: 66-67). *Bá hộ* là phẩm trật ban võ cấp thấp (từ Bát phẩm đến Cửu phẩm), phẩm trật này vốn được trao cho những người bỏ tiền nuôi quân hay làm một việc công. Sau này nhà Nguyễn chuyên trao cho nhà giàu và người mua tước.

Đối với khai quốc công thần *nhị cấp và tam cấp* thì cho lấy một người ở “bàng chi” để tập ấm *tòng Bát phẩm Bá hộ*; nếu không có “bàng chi” thì cho lấy một người trong họ để

âm tập *chánh Cửu phẩm Bá hộ*. Hoặc đã được thừa tập một hai đời trở lên mà dòng chính không con trai, thì cho lấy một người ở “bàng chi” âm tập *chánh Cửu phẩm Bá hộ*. Nếu không có “bàng chi”, thì cho lấy một người trong họ để âm tập *tòng Cửu phẩm Bá hộ*.

Đối với những khai quốc công thần không xếp vào cấp nào nhưng lại được “tòng tự” (tức được phụ thờ ở các miếu thờ các vua) và lại được phong tước Công, tước Hầu, nếu không có con trai và chưa có người được âm tập thì cho phép lấy một người ở “bàng chi” âm tập *tòng Bát phẩm Bá hộ*. Nếu không có “bàng chi”, thì cho lấy một người trong họ âm tập *chánh Cửu phẩm Bá hộ*.

Đối với khai quốc công thần không được xếp hạng, lại không được tòng tự, mà nguyên hàm là tòng Nhị phẩm trở lên, nếu không có con trai, chưa có người âm tập thì được lấy một người ở “bàng chi” âm tập *chánh Cửu phẩm Bá hộ*. Nếu không có “bàng chi”, thì cho lấy người trong họ âm tập *tòng Cửu phẩm Bá hộ*. Hoặc đã được thừa tập nhưng chưa mãn lệ, mà dòng chính không có con trai, thì cho lấy một người ở “bàng chi” để âm tập *tòng Cửu phẩm Bá hộ*. Nếu không có “bàng chi”, thì cho phép lấy một người trong họ cho miễn điều thuế, tất cả đều chỉ được hưởng một đời mà thôi.

Tương tự, các công thần trung hưng, công thần tiết nghĩa *không có con trai*, thì quyền hưởng tập âm sẽ được áp dụng cho các “bàng chi”. Tùy theo tước phẩm cao thấp được ban phong, có từng được tòng tự hay không mà thực hiện có mức độ. Theo đó, công thần trung hưng được tòng tự, lại được phong tước Công, tước Hầu mà chưa được âm tập thì cho lấy một người ở “bàng chi” để âm tập *tòng Bát phẩm Bá hộ*. Nếu không có “bàng chi”, thì cho lấy một người trong họ âm tập *chánh Cửu phẩm Bá hộ*. Hoặc thừa tập chưa mãn lệ, mà dòng chính không có con trai, cho phép lấy một người ở “bàng chi” âm tập *chánh Cửu phẩm Bá hộ*. Nếu không có “bàng chi”, cho phép lấy một người trong họ âm tập *tòng Cửu phẩm Bá hộ*, chỉ âm tập một đời, về sau đời đời chuẩn cho một người được miễn điều thuế. Lệ này cũng được áp dụng cho các công thần trung hưng không được tòng tự phụ cùng với các vua nhưng có được thờ ở 2 miếu Trung Hưng và Trung Tiết, có hàm từ tòng Nhị phẩm trở lên, những đại thần được phong 3 tước Bá, Tử, Nam có hàm từ chánh Nhị phẩm trở lên.

Riêng với công thần Vọng Các, không có con trai được triều Nguyễn cho con cháu người thân của bậc công thần bậc 5 trở lên được hưởng tập âm. Theo lệ tập âm năm 1867, các công thần Vọng các bậc nhất, bậc nhì không có con trai mà chưa được tập âm, cho phép lấy một người ở “bàng chi” để âm tập, thụ chức *Phi kỵ úy* (tòng Ngũ phẩm), nếu không có “bàng chi” thì cho phép lấy một người trong họ để âm tập, thụ *An kỵ úy* (tòng Lục phẩm). Hoặc âm tập chưa mãn lệ mà dòng chính không có con trai, thì cho lấy một người ở “bàng chi” để âm tập, thụ *An kỵ úy*, nếu không có “bàng chi”, thì cho pháp lấy một người trong họ cho thụ *Phụng ân úy* (tòng Thất phẩm). Tất cả các đối tượng được hưởng âm tập trên đều chỉ được hưởng một đời, rồi sau đời đời âm tập *Thừa ân úy* (tòng Bát phẩm).

Ban tước vị cao quý: Con cháu các công thần còn được triều Nguyễn ban cho tước vị cao quý. Lệ này được thực hiện từ năm 1833, tuy nhiên chỉ những hạng công thần đã được tập phong *Ngũ tước* (tức nhận các tước Công, Hầu, Bá, Tử, Nam) thì các thế hệ con hoặc cháu mới được thụ hưởng, và luôn theo nguyên tắc thấp hơn tước vị của cha ông một bậc hoặc hai bậc. Cụ thể là: Nếu công thần được phong *tước Công*, thì nối đời được tập âm 5 đời: con được tập tước Hầu, cháu được tập tước Bá, cháu tăng tôn được tập tước Tử, cháu huyền tôn được tập tước Nam, cháu lai tôn được tập *Cẩm y Hiệu úy*. Nếu được phong *tước Hầu* thì nối đời được tập âm 4 đời: con được tập tước Bá, cháu được tập tước Tử, cháu tăng tôn được tập tước Nam, cháu huyền tôn được tập âm cho chức *Cẩm y Hiệu úy*. Nếu phong *tước Bá* thì nối đời được tập âm 3 đời: con được tập âm tước Tử, cháu được tập âm tước Nam, cháu tăng tôn được tập âm *Cẩm y Hiệu úy*. Phong “*tước Tử*” thì nối đời được tập tước 2 đời: con được tập âm tước Nam, cháu được tập âm *Cẩm y Hiệu úy*. Phong *tước Nam* thì con được

tập ẩm Cẩm y Hiệu úy, chỉ được ban phong một đời (Nội các triều Nguyễn, 2005, t.4: 120-121). Dưới triều Minh Mệnh, triều đình ban ơn con cháu của các công thần đã được tập tước (tức là hưởng tước vị cao quý) đều ban cho phẩm hàm như Quản cơ (tập tước Hầu, trật 4a), phó Quản cơ (tập tước Bá, trật 4b), Cai đội (tập tước Tử, trật 5a), Chánh đội trưởng (tập tước Nam, trật 6a). Những người *dưới tước Nam* trước cho tập ẩm chức *Hiệu úy* thì nay đổi làm *Thiên hộ* (trật 7a) (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.5 : 153).

Trên con đường quan lộ, những đối tượng quan viên xuất thân từ tập ẩm cũng được hưởng các ân điển, lương bổng do nhà nước quy định, mức nhiều ít phụ thuộc và phẩm trật. Chẳng hạn theo biểu lương năm Minh Mệnh 20 (1839), chức Khinh xa đô úy (trật 2b) được nhận 180 quan tiền, 150 phương gạo và 30 quan tiền xuân phục. Kiêu kỵ đô úy (trật 3b) nhận 120 quan tiền, 90 phương gạo, 16 quan tiền xuân phục; Phụng án úy (7b) nhận 20 quan tiền, 18 phương gạo, 5 quan tiền xuân phục.

4. Nhận xét và kết luận

Chế độ tập ẩm là một trong những nội dung quan trọng trong chính sách xã hội của triều Nguyễn từ năm 1802 đến năm 1884. Kế thừa chính sách trọng công thần của các vương triều trước đó, triều Nguyễn ngay từ buổi đầu thiết lập đã ban hành và thực thi nhiều chế độ đãi ngộ đối với các công thần, trong có thực hiện tập ẩm dành cho con cháu của họ, gồm: con cháu những công thần khai quốc thời Lê sơ, công thần diệt Mạc trung hưng; con cháu công thần có công phò giúp các chúa Nguyễn ở Đàng Trong, con cháu công thần trung hưng triều Nguyễn (công thần Vọng Các, công thần tiết nghĩa...). Trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, với nhiều sự điều chỉnh, bổ sung, về cơ bản nguyên tắc thực hiện tập ẩm của triều Nguyễn khá thống nhất trong việc dựa vào phẩm trật, tước vị của các công thần để phân bậc từng hạng công thần (bậc trên, bậc nhất, bậc nhì, bậc ba hoặc phân cấp Thượng đẳng, nhất cấp, nhị cấp, tam cấp...) để quyết định tư cách của người con hoặc cháu được triều đình ban ẩm thụ về quyền lợi tinh thần, vật chất. Trong đó chủ yếu nhất là con hoặc cháu của các công thần được hưởng việc phong tước vị, chức quan, ban cấp tự điền (ruộng thờ), mộ phu để lo việc thờ tự các công thần; khi làm quan họ nhận được lương bổng, tiền ân tuất.

Trong khi thực hiện chế độ tập ẩm, triều đình đã có sự linh hoạt trong việc mở rộng đối tượng hưởng tập ẩm cũng như quyền lợi được hưởng, khi từ triều vua Minh Mệnh trở đi, triều Nguyễn không giới hạn việc tập ẩm chỉ dành cho con hoặc cháu trưởng dòng đích, con, cháu thứ hàng đích, con cháu trưởng dòng thứ, con cháu thứ dòng thứ mà mở rộng cho cả con cháu “bàng chi” và con cháu trong họ gần nhất cũng có thể được ban ẩm thụ khi công thần không có người nối dõi. Tất nhiên, mức độ được hưởng ẩm thụ của các đối tượng mở rộng này có sự chênh lệch nhiều ít khác nhau phụ thuộc vào cấp bậc, thế hệ từng hạng công thần cụ thể. Về quyền lợi được hưởng, từ cuối triều vua Minh Mệnh đã thực hiện việc kết hợp song song vừa ban tước phẩm vừa bổ chức quan thực thụ cho con, cháu công thần thông qua kỳ khảo hạch đánh giá năng lực. Đồng thời, ban tước vị cao quý “Ngũ tước” (tức nhận các tước Công, Hầu, Bá, Tử, Nam) đối với các đời con, cháu, chắt của các công thần đã được ban phong các tước vị này. Theo đó nếu tước vị được phong của công thần càng cao thì các đời kế nghiệp của con, cháu càng nhiều và ngược lại.

Nhìn chung, việc tập ẩm cho con cháu các công thần có công với nội dung chủ yếu là ban phẩm tước, chức tước của triều Nguyễn là một trong những chính sách xã hội đầy tính nhân văn trong việc đảm bảo cho những người có công và con cháu của họ được hưởng những quyền lợi thiết thực cả về vật chất và tinh thần; đáp ứng được nhu cầu cần thiết lúc bấy giờ, nhất là giai đoạn đầu triều Nguyễn khi đội ngũ công thần đã có công rất lớn trong sự nghiệp thiết lập vương triều Nguyễn. Thông qua chế độ tập ẩm, vương triều Nguyễn không chỉ thể hiện sự tri ân to lớn của Nhà nước dành cho các công thần và con cháu của họ, mặt khác đã

từng bước giải quyết yêu cầu chính trị cần thiết lúc bấy giờ trong việc tăng cường đội ngũ quan lại tham gia bộ máy Nhà nước, khi phương thức tuyển chọn quan lại qua khoa cử chưa được thực hiện. Bởi từ chính sách tập ấm, không chỉ giúp các công thần toàn tâm toàn ý, trách nhiệm với công việc của mình trong việc phục vụ vương triều, mà thực sự triều Nguyễn đã tuyển chọn được nhiều nho sĩ là con, cháu có tài năng vốn là con cháu của các vị công thần xuất thân từ tập ấm. Thực tế, trong sự nghiệp xây dựng, củng cố phát triển của vương triều Nguyễn thời kỳ độc lập tự chủ (giai đoạn 1802-1884) đã xuất hiện nhiều danh quan xuất thân từ chế độ tập ấm, có những đóng góp quan trọng cho vương triều. Có thể kể đến một số gương mặt còn lưu lại trong sử sách như: Đăng Giai con của công thần tiết nghĩa Đăng Tuấn, Đoàn Văn Sách con của công thần tiết nghĩa Đoàn Văn Trường, Cư Sĩ cháu nội của danh thần Nguyễn Cư Trinh thế kỷ XVIII..., trong đó Đăng Tuấn “xuất thân là thế thân, được vua để ý chọn cất lên, trải qua làm quan trong triều, ngoài quận, dựng được nhiều mưu traanf Giám, sau trở thành trọng quan của triều Gia Long, ông trải qua các chức quan trọng: Ngự sử, Án Sát, Bộ chính hai tỉnh Phú Yên, Gia Định.

Việc ban hành và thực thi chế độ tập ấm của triều Nguyễn đều nhằm mục đích ban ân thưởng cho người thân, con cháu công thần khai quốc, công thần trung hưng, công thần Vọng Các, công thần tiết nghĩa qua đó thể hiện tri ân đối với những người có công là một chính sách mang giá trị nhân văn. Tuy nhiên, chính sách đó phần nào lại tạo ra đặc quyền đặc lợi dành cho một bộ phận công thần có công lớn, hoặc hình thành thái độ tự cao tự mãn của một bộ phận con cháu công thần trên con đường quan lộ khi họ tỏ ra coi thường pháp luật, vi phạm pháp luật. Đây cũng là hạn chế chung của các triều đại phong kiến Việt Nam khi thực hiện chế độ tập ấm cho các công thần.

Tài liệu tham khảo

- Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước - Trung tâm lưu trữ Quốc gia IV. (2020). *Tổng tập công thần triều Nguyễn qua tài liệu mộc bản - Di sản tư liệu thế giới*. Tập 3. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- Đào Duy Anh. (2013). *Hán Việt từ điển giản yếu*. Nxb. Văn hóa - Thông tin
- Emmanuel Poisson. (2018). *Quan và lại ở miền Bắc Việt Nam - một bộ máy hành chính trước thử thách (1820 - 1918)*. Nxb. Tri thức.
- Hoàng Phê. (chủ biên - 2000). *Từ điển tiếng Việt*. Nxb Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học.
- Hồ Ngọc Đăng. (2017). Vua Minh Mệnh và việc tuyển bổ quan lại. *Tạp chí Khoa học xã hội*. Số 2.
- Lê Quang Chấn. (2013). Chính sách ưu đãi của triều Nguyễn đối với võ quan và binh lính (giai đoạn 1802 - 1884). *Tạp chí Lịch sử Quân sự*. Số 263.
- Nguyễn Minh Tường. (1999). Chính sách đối với tướng sĩ trận vong, trận thương dưới triều Nguyễn. *Tạp chí Xưa & Nay*. Số 65.
- Nguyễn Minh Tường. (2015). *Tổ chức bộ máy nhà nước quân chủ Việt Nam (từ năm 939 đến năm 1884)*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Nội các triều Nguyễn. (2005). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. t.4. Nxb. Thuận Hóa.
- Nội các triều Nguyễn (2005). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. t.5. Nxb. Thuận Hóa.
- Phan Đại Doãn, Nguyễn Minh Tường, Hoàng Phương, Lê Thành Lâm và Nguyễn Ngọc Quỳnh. (1998). *Một số vấn đề về quan chế triều Nguyễn*. Nxb. Thuận Hóa.
- Phạm Thị Thu Hiền. (2022). Chế độ thưởng phạt quan lại triều Nguyễn 1802-1884. *Tạp chí Khoa học xã hội*. số 1.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam thực lục*. Tập 1. Nxb. Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2004). *Đại Nam thực lục*. Tập 2. Nxb. Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2005). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*. t.5. Nxb. Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2007). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên* (Bản dịch). t.6, t.7. Nxb. Giáo dục.
- Trần Thanh Tâm. (2000). *Quan chức nhà Nguyễn*. Nxb. Thuận Hóa.